

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
CÔNG NGHỆ HVC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: **723** /CV/HVC/2020

V/v: Giải trình số liệu BCTC kiểm toán
năm 2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Về việc công bố báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC giải trình số liệu như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty tăng hơn 1 tỷ so với năm 2018 tương ứng với tỷ lệ 2,23%. Sự tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đến từ việc chia lợi nhuận của Công ty con HVC Hưng Yên được phản ánh trên chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính “chỉ tiêu mã số 21 trên Báo cáo kết quả kinh doanh quý IV năm 2019”.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 giảm gần 3 tỷ so với số liệu lũy kế năm 2019 của báo cáo tài chính quý IV đã được công bố thông tin, nguyên nhân là do Kiểm toán phân loại lại các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được ghi nhận vào giá vốn làm tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 lên gần 4 tỷ, đồng thời ước tính lại các ước tính kế toán sau khi phân loại lại chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Năm 2019, các khoản đầu tư của Công ty chỉ giữ ở mức ổn định, dẫn tới lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư (doanh thu tài chính) giảm 5 tỷ so với năm 2018. Doanh thu tài chính năm 2019 giảm tác động trực tiếp làm giảm lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 của Công ty hơn 4,5 tỷ so với năm 2018 tương ứng với tỷ lệ 9,2%.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu; Hành chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	15 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Hoạt động của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
- Ông Lê Văn Cường	Phó Chủ tịch
- Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Văn Duy	Thành viên
- Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên
- Bà Vũ Thị Ngà	Thành viên [miễn nhiệm ngày 20/04/2019]
- Ông Haihui Liu	Thành viên độc lập [bổ nhiệm ngày 20/04/2019]

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban
- Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên [miễn nhiệm ngày 02/07/2019]
- Ông Vũ Danh Lam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật
- Ông Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Văn Duy	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Tp. Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Trần Hữu Đông
Tổng Giám đốc**

Tp. Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Trần Hữu Đông
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



Số: 013/2020/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC, được lập ngày 17 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.075.423.704	210.812.902.391
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.056.126.966	3.254.895.940
Tiền	111		3.768.726.966	3.254.895.940
Các khoản tương đương tiền	112		23.287.400.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.300.000.000	23.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	4.300.000.000	23.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.712.625.975	115.433.098.308
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	109.917.201.795	108.134.886.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.428.698.383	4.712.656.769
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	18.019.272.412	3.226.990.160
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(652.546.615)	(641.434.863)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		46.006.670.762	69.124.908.142
Hàng tồn kho	141	5.7	46.006.670.762	69.124.908.142
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.209.013.864	107.722.115.069
Các khoản phải thu dài hạn	210		160.820.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	160.820.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		26.650.199.597	20.218.018.143
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	26.650.199.597	20.218.018.143
- Nguyên giá	222		30.488.592.446	23.451.530.569
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.838.392.849)	(3.233.512.426)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	114.900.000.000	86.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		114.900.000.000	61.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	25.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		497.994.267	1.104.096.926
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	497.994.267	1.104.096.926
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		353.284.437.568	318.535.017.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		73.106.755.128	56.833.506.062
Nợ ngắn hạn	310		73.106.755.128	56.833.506.062
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	42.895.102.245	24.547.257.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	12.475.764.333	8.944.265.004
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	13.742.949.983	12.460.391.991
Phải trả người lao động	314		3.300.000.000	1.373.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	200.000.000	7.981.265.169
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	15.209.449
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	492.938.567	1.512.116.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		280.177.682.440	261.701.511.398
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	280.177.682.440	261.701.511.398
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.500.000.000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.677.682.440	61.701.511.398
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41.501.511.398	15.555.472.260
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.176.171.042	46.146.039.138
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		353.284.437.568	318.535.017.460

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Nga



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	451.083.393.533	431.672.709.903
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	451.083.393.533	431.672.709.903
Giá vốn hàng bán	11	6.2	368.113.344.973	346.953.691.068
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.970.048.560	84.719.018.835
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.874.875.415	4.472.579.452
Chi phí tài chính	22	6.4	2.227.455	28.524.227
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.227.455	28.480.239
Chi phí bán hàng	25	6.5	5.410.220.269	8.223.596.797
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.574.892.357	22.775.555.551
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.857.583.894	58.163.921.712
Thu nhập khác	31	6.7	146.115.955	597.463.086
Chi phí khác	32	6.8	938.480.971	824.920.580
Lợi nhuận khác	40		(792.365.016)	(227.457.494)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.065.218.878	57.936.464.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	10.889.047.836	11.790.425.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.176.171.042	46.146.039.138

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	58.065.218.878	57.936.464.219
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.496.848.751	1.392.775.654
- Các khoản dự phòng	03	(1.008.066.480)	435.721.822
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.604.182.100)	(4.472.579.452)
- Chi phí lãi vay	06	2.227.455	28.480.239
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.952.046.504	55.320.862.482
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.126.048.097)	(43.953.294.961)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.118.237.380	(18.894.635.537)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.534.022.187	7.998.904.927
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	606.102.659	461.634.124
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.227.455)	(28.480.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.691.525.810)	(5.629.104.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.190.607.367	(4.924.113.909)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.513.196.973)	(707.558.855)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	909.090.909	1.518.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.300.000.000)	(28.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.000.000.000	32.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(53.500.000.000)	(27.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.250.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.264.729.723	4.871.685.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.889.376.341)	(17.317.873.848)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.500.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.451.823.596	21.483.646.489
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.451.823.596)	(21.483.646.489)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.500.000.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.254.895.940	25.496.883.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.056.126.966	3.254.895.940

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	84,86%	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	95,00%	95,00%	95,00%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 47/4/6 đường số 2, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2019 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	586.359.138	2.557.740.056
Tiền gửi ngân hàng	3.182.367.828	697.155.884
Các khoản tương đương tiền (i)	23.287.400.000	-
Cộng	27.056.126.966	3.254.895.940

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất 4,8%/năm đến 5,0%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.300.000.000	4.300.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	4.300.000.000	4.300.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình; thời hạn 06 tháng đến 15 tháng; lãi suất 6,5%/năm đến 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	114.900.000.000	-	(*) 61.400.000.000	-	-	(*) 61.400.000.000
Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i)	59.400.000.000	-	(*) 59.400.000.000	-	-	(*) 59.400.000.000
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (ii)	27.000.000.000	-	(*) 27.000.000.000	-	-	(*) 27.000.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (iii)	28.500.000.000	-	(*) 28.500.000.000	-	-	(*) 28.500.000.000
Đầu tư khác vào công ty khác	-	-	(*) -	-	-	(*) -
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc	-	-	(*) -	-	-	(*) -
Cộng	114.900.000.000	-	(*) 86.400.000.000	-	-	(*) 86.400.000.000

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/06/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 18/06/2019 là 70.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 84,86% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

(ii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 90,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 95,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Các khách hàng là bên liên quan	5.118.224.592	-
- Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	5.118.224.592	-
Các khách hàng là bên thứ ba	104.798.977.203	108.134.886.242
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	24.759.678.739	-
- Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	16.662.667.500	-
- Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	14.653.566.727	12.055.883.018
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	48.331.651.139
- Công ty TNHH Việt nam Grand Prix	6.855.146.852	-
- Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường (ALMA)	5.407.432.617	-
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	3.878.711.261	-
- Công ty Cổ phần Vincom Retail	4.196.893.498	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt	3.754.132.788	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà	2.510.307.528	2.510.307.528
- Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	2.113.549.803	2.113.549.803
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại INBUS	-	30.147.000.020
- Các khách hàng khác	10.406.889.890	12.976.494.734
Cộng	109.917.201.795	108.134.886.242

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
- Guangdong Dalang Water Park Equipment Co.Ltd	-	3.676.803.646
- Guangdong Pooling Eiltration Equipment Manufacturing	1.231.978.997	-
- Aqvastar Smart Flow Solutions	801.316.894	-
- EMEC SRL	833.781.805	-
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL	924.447.314	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	640.935.764	-
- Các nhà cung cấp khác	1.996.237.609	1.035.853.123
Cộng	6.428.698.383	4.712.656.769

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	8.009.279.707	-	2.630.054.478	
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.675.922.183	-	451.560.992	
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.399.188	-	3.389.007	
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.459.222.995	-	244.871.985	
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	213.300.000	-	203.300.000	
Phải thu khác	4.334.070.522	-	145.374.690	
Phải thu khác là bên liên quan	4.193.258.639	-	110.821.700	
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên	4.193.258.639	-	110.821.700	
Phải thu khác là bên thứ ba	140.811.883	-	34.552.990	
- Trích trước lãi tiền gửi	140.811.883	-	34.552.990	
Cộng	18.019.272.412	-	3.226.990.160	

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	160.820.000	-	-	
Cộng	160.820.000	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	712.860.983	60.314.368	771.056.635	129.621.772
Từ 03 năm trở lên	511.813.091	-	511.813.091	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.091	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	201.047.892	60.314.368	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	22.691.163	-	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	4.192.620	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	23.831.302	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	9.599.283	-	-
Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	259.243.544	129.621.772
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	-	-	75.637.210	37.818.605
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	-	-	13.975.400	6.987.700
- Công ty TNHH Linh Chi	-	-	58.195.652	29.097.826
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	-	-	79.437.673	39.718.837
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	-	-	31.997.609	15.998.805

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu năm	641.434.863	516.268.874
Trích lập dự phòng trong năm	40.209.578	125.165.989
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(29.097.826)	-
Số cuối năm	652.546.615	641.434.863

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	29.961.867.964	-	51.660.972.384	-
- Hàng hóa	16.044.802.798	-	17.463.935.758	-
Cộng	46.006.670.762	-	69.124.908.142	-

(i) Chi tiết như sau

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Thi công M&E phần điện (bao gồm cả máy phát điện, bồn dầu, điện nhẹ, CTN, PCCC, ĐHKK. Dự án Vincom Cẩm Phả, Quảng Ninh - Hợp đồng 2003/2019	3.636.510.467	-
- Thi công + lắp đặt thiết bị hệ thống M&E (bao gồm khu vực đáy hồ và quanh hồ) Hồ Lagoon - pl01 bể bơi - Hợp đồng 0312/2019	2.752.148.274	-
- Cung cấp lắp đặt hệ thống M&E tòa S12. Dự án Vinhomes Ocean Park - Hợp đồng 1609/2019	2.124.251.874	-
- Các công trình khác	21.448.957.349	51.660.972.384
Cộng	29.961.867.964	51.660.972.384

5.8 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
- Chi phí thuê đất	-	96.750.000	(96.750.000)	-
Cộng	-	96.750.000	(96.750.000)	-

b. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.104.096.926	338.479.907	(944.582.566)	497.994.267
Cộng	1.104.096.926	338.479.907	(944.582.566)	497.994.267

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	19.159.345.605	1.020.234.055	3.271.950.909	-	23.451.530.569
Phân loại lại	-	(707.558.855)	707.558.855	-	-
Mua trong năm	1.021.823.000	-	-	127.000.000	1.148.823.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.925.257.059	-	-	-	7.925.257.059
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.037.018.182)	-	(2.037.018.182)
31/12/2019	28.106.425.664	312.675.200	1.942.491.582	127.000.000	30.488.592.446
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	119.000.000	-	-	-	119.000.000
Giá trị hao mòn					
01/01/2019	1.595.302.486	234.987.885	1.403.222.055	-	3.233.512.426
Khấu hao trong năm	951.678.206	51.021.684	491.503.028	2.645.833	1.496.848.751
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(891.968.328)	-	(891.968.328)
31/12/2019	2.546.980.692	286.009.569	1.002.756.755	2.645.833	3.838.392.849
Giá trị còn lại					
01/01/2019	17.564.043.119	785.246.170	1.868.728.854	-	20.218.018.143
31/12/2019	25.559.444.972	26.665.631	939.734.827	124.354.167	26.650.199.597

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên liên quan	4.339.112.054	4.339.112.054	-	-
- Công Ty TNHH Tổng Thầu Cơ Điện HVC	4.339.112.054	4.339.112.054	-	-
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	38.555.990.191	38.555.990.191	24.547.257.650	24.547.257.650
- Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Gia Vinh	5.472.043.653	5.472.043.653	53.000.004	53.000.004
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	2.397.024.635	2.397.024.635	1.130.442.493	1.130.442.493
- Công ty TNHH Thương mại Thanh Mơ	1.910.928.704	1.910.928.704	214.780.808	214.780.808
- Các nhà cung cấp khác	24.759.115.413	24.759.115.413	23.149.034.345	23.149.034.345
Cộng	42.895.102.245	42.895.102.245	24.547.257.650	24.547.257.650

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc	5.447.510.194	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	6.477.747.632	-
- Công ty Cổ phần Vincom Retail	-	2.617.789.907
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	-	1.342.758.583
- Các khách hàng khác	550.506.507	4.983.716.514
Cộng	12.475.764.333	8.944.265.004

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	2.673.811.823	2.673.811.823	3.519.330.782	3.519.330.782
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.953.952.538	10.953.952.538	8.689.856.689	8.689.856.689
- Thuế thu nhập cá nhân	75.148.822	75.148.822	251.204.520	251.204.520
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	40.036.800	40.036.800	-	-
Cộng	13.742.949.983	13.742.949.983	12.460.391.991	12.460.391.991

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/1/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Truy thu thuế (VND)	31/12/2019 (VND)
- Thuế giá trị gia tăng	3.519.330.782	11.323.577.476	(12.169.096.435)	-	2.673.811.823
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	6.103.244.165	(6.103.244.165)	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	1.661.703.716	(1.661.703.716)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.689.856.689	10.889.047.836	(8.691.525.810)	66.573.823	10.953.952.538
- Thuế thu nhập cá nhân	251.204.520	1.087.353.864	(1.263.409.562)	-	75.148.822
- Các loại thuế khác	-	523.933.014	(523.933.014)	-	-
- Các khoản phạt thuế	-	-	(702.736)	40.739.536	40.036.800
Cộng	12.460.391.991	31.588.860.071	(30.413.615.438)	107.313.359	13.742.949.983

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Chi phí dự án phải trả	-	7.781.265.169
- Chi phí khác	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	7.981.265.169

5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
Vay ngắn hạn	-	1.451.823.596	1.451.823.596	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	-	1.451.823.596	1.451.823.596	-
Cộng	-	1.451.823.596	1.451.823.596	-

5.15 Dự phòng phải trả

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	492.938.567	1.512.116.799
Cộng	492.938.567	1.512.116.799

5.16 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
01/01/2018	87.685.200.000	-	10.956.792.871	98.641.992.871
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	15.510.629.389	15.510.629.389
- Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS theo BB hợp ĐH Cổ đông thường niên số 01/2018 ngày 17/3/2018	101.602.850.000	-	-	101.602.850.000
31/12/2018	200.000.000.000	-	15.755.472.260	215.755.472.260

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
01/01/2019	200.000.000.000	-	61.701.511.398	261.701.511.398
- Lãi trong năm nay	-	-	47.176.171.042	47.176.171.042
- Mua cổ phiếu quỹ năm nay	-	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
- Chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HVC/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 20/04/2019	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HVC/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 20/04/2019	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
31/12/2019	200.000.000.000	(8.500.000.000)	88.677.682.440	280.177.682.440

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.000.000.000	-

Cổ phiếu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(500.000)	-
- Cổ phiếu phổ thông	(500.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng doanh thu	451.083.393.533	431.672.709.903
- Doanh thu bán hàng hóa	108.610.623.997	132.265.948.273
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	342.466.769.536	298.301.783.356
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.000.000	1.104.978.274
Doanh thu thuần	451.083.393.533	431.672.709.903

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	155.931.077	-
- Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	5.208.880.448	-
Cộng	5.364.811.525	-

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	104.614.015.337	126.801.401.909
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	263.499.329.636	220.152.289.159
Cộng	368.113.344.973	346.953.691.068

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.405.541.606	4.472.579.452
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.184.599.439	-
- Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	1.250.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	34.734.370	-
Cộng	7.874.875.415	4.472.579.452

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí lãi vay	2.227.455	28.480.239
- Chi phí tài chính khác	-	43.988
Cộng	2.227.455	28.524.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.700.000	12.663.200
- Chi phí bảo hành công trình	561.828.341	1.684.545.834
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.162.454.768	1.120.087.763
- Chi phí bằng tiền khác	3.673.237.160	5.406.300.000
Cộng	5.410.220.269	8.223.596.797

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	18.804.821.091	14.235.009.723
- Chi phí đồ dùng quản lý	1.041.332.566	1.049.940.129
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.496.848.751	1.392.775.654
- Thuế, phí và lệ phí	287.932.540	314.701.267
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	11.111.753	125.165.990
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.192.215.117	4.930.718.114
- Chi phí bằng tiền khác	740.630.540	727.244.674
Cộng	26.574.892.358	22.775.555.551

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Thu nhập khác	146.115.955	597.463.086
Cộng	146.115.955	597.463.086

6.8. Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	235.958.945	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	60.000.000	315.049.768
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	284.236.692	843.928
- Chi phí khác	358.285.334	509.026.884
Cộng	938.480.971	824.920.580

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.076.187.147	179.586.930.544
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.041.332.566	1.049.909.572
- Chi phí nhân công	62.379.565.910	54.817.578.278
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.496.848.751	1.392.775.654
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.837.586.181	8.398.082.063
- Chi phí bằng tiền khác	5.831.798.518	10.651.719.381
Cộng	274.663.319.072	255.896.995.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.889.047.836	11.790.425.081
Cộng	10.889.047.836	11.790.425.081

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.065.218.878	57.936.464.218
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(3.619.979.696)	1.015.661.186
- Điều chỉnh tăng	808.248.834	1.015.661.186
+ Dự phòng phải thu khó đòi không có đủ hồ sơ	11.111.752	125.165.989
+ Chi phí không hợp lệ	797.137.082	890.495.197
- Điều chỉnh giảm	4.428.228.530,0	-
+ Thu nhập đã tính thuế các năm trước	243.629.091	-
+ Cổ tức được chia trong năm	4.184.599.439,0	-
Thu nhập tính thuế	54.445.239.182	58.952.125.404
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.889.047.836	11.790.425.081

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác chưa chi	4.560.883.086	-
Cổ tức được chia chưa thu	4.184.599.439	-
Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu	140.811.883	-

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.3. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	1.952.875.000	2.084.053.357
Cộng	1.952.875.000	2.084.053.357

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Hoàn ứng	(102.373.200)	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tạm ứng	27.209.793	129.582.993
Cộng nợ phải thu	27.209.793	129.582.993

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Công ty con
- Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Công ty con
- Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Công ty con

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Công ty TNHH HVC Hưng Yên		
Cho vay	-	5.300.000.000
Chi hộ	-	110.821.700
Cổ tức được chia	4.184.599.439	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	61.277.155	-
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC		
Góp vốn trong năm	25.000.000.000	2.000.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	155.931.077	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.049.674.363	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park		
Góp vốn trong năm	28.500.000.000	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	5.208.880.448	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.195.000	-

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu khách hàng	5.118.224.592	-
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	5.118.224.592	-
Phải thu khác	4.193.258.639	110.821.700
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	4.193.258.639	110.821.700
Cộng nợ phải thu	13.504.741.870	221.643.400

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải trả người bán	4.339.112.054	-
Công Ty TNHH Tổng Tàu Cơ Điện HVC	4.339.112.054	-
Cộng nợ phải trả	4.339.112.054	-

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.056.126.966	-	27.056.126.966
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.300.000.000	-	4.300.000.000
Phải thu khách hàng	109.917.201.795	-	109.917.201.795
Các khoản phải thu khác	18.019.272.412	160.820.000	18.180.092.412
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(652.546.615)	-	(652.546.615)
Tổng cộng	158.640.054.558	160.820.000	158.800.874.558
31/12/2019			
Phải trả cho người bán	(42.895.102.245)	-	(42.895.102.245)
Phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(492.938.567)	-	(492.938.567)
Tổng cộng	(43.588.040.812)	-	(43.588.040.812)
Chênh lệch thanh khoản thuần	115.052.013.747	160.820.000	115.212.833.747
01/01/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.254.895.940	-	3.254.895.940
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	-	23.000.000.000
Phải thu khách hàng	108.134.886.242	-	108.134.886.242
Các khoản phải thu khác	3.226.990.160	-	3.226.990.160
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(641.434.863)	-	(641.434.863)
Tổng cộng	136.975.337.479	-	136.975.337.479
01/01/2019			
Phải trả cho người bán	(24.547.257.650)	-	(24.547.257.650)
Phải trả khác	(15.209.449)	-	(15.209.449)
Chi phí phải trả	(7.981.265.169)	-	(7.981.265.169)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.512.116.799)	-	(1.512.116.799)
Tổng cộng	(34.055.849.067)	-	(34.055.849.067)
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.919.488.412	-	102.919.488.412

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.056.126.966	3.254.895.940	27.056.126.966	3.254.895.940
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.300.000.000	23.000.000.000	4.300.000.000	23.000.000.000
Phải thu khách hàng	109.917.201.795	108.134.886.242	109.264.655.180	107.493.451.379
Các khoản phải thu khác	18.180.092.412	3.226.990.160	18.180.092.412	3.226.990.160
Tổng cộng	159.453.421.174	137.616.772.342	158.800.874.558	136.975.337.479
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	42.895.102.245	24.547.257.650	42.895.102.245	24.547.257.650
Phải trả khác	-	15.209.449	-	15.209.449
Chi phí phải trả	200.000.000	7.981.265.169	200.000.000	7.981.265.169
Dự phòng phải trả ngắn hạn	492.938.567	1.512.116.799	492.938.567	1.512.116.799
Tổng cộng	43.588.040.812	34.055.849.067	43.588.040.812	34.055.849.067

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa (VND)	Dịch vụ thi công lắp đặt (VND)	Dịch vụ khác (VND)	Năm 2019 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	108.610.623.997	342.466.769.536	6.000.000	451.083.393.533
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(104.614.015.337)	(263.499.329.636)	-	(368.113.344.973)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.996.608.660	78.967.439.900	6.000.000	82.970.048.561
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(31.985.112.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				50.984.935.935
Doanh thu tài chính				7.874.875.415
Chi phí tài chính				(2.227.455)
Thu nhập khác				146.115.955
Chi phí khác				(938.480.971)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.889.047.836)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				47.176.171.042

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

